

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 20-6-2023

V/v *Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 08-02-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/QĐ-PT ngày 10/4/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 94/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 23/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn MB, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lưu Đức Th, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ MM, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2023).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn MB, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số NT NTMK, tổ C, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 24/4/2023).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1945

Địa chỉ: Thôn MB, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2020, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/6/2022 của bà Trịnh Thị T và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông D đăng ký kết hôn và sống chung từ năm 2000, trong thời gian sống chung hai vợ chồng tạo lập được số tài sản là diện tích khoảng 02 ha thuộc thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL để vợ chồng làm ăn sinh sống. Trong thời gian vợ chồng sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly hôn theo quyết định số 41/2011/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Về tài sản chung tự thỏa thuận. Sau đó bà và ông D trở lại sinh sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn lại, đến năm 2020 thì không sống chung với nhau nữa, tài sản chung cũng không tự thỏa thuận được nên nay yêu cầu giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn là đất và tài sản trên đất khoảng 02 ha trong đó có 6.800,9m² thuộc thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Theo kết quả đo vẽ ngày 31/5/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BL thì có 5.274m² thuộc một phần thửa 58; có 180m² thuộc một phần thửa 29; có 6.038,9m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35, xã LN và 18.086,6m² chưa thể hiện trên bản đồ địa chính thuộc quy hoạch đất Lâm nghiệp. Do vậy, nay rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà yêu cầu chia đôi giá trị đất và tài sản trên đất có diện tích 5.274m² thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL, bà có nguyện vọng được nhận giá trị bằng tiền. Đối với diện tích 180m² thuộc một phần thửa 29; 6.038,9m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35, xã LN và 18.086,6m² chưa thể hiện trên bản đồ địa chính thuộc quy hoạch đất Lâm nghiệp không yêu cầu giải quyết vì phần đất này ông D đã chuyển nhượng cho người khác.

Về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu trả lại diện tích 6.800,9m² đất thuộc thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL thì bà không đồng ý.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng mà nay bà T yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn là tài sản riêng của ông. Nguồn gốc thửa đất là năm 1995 mẹ ông là bà Lê Thị L (ở tỉnh Thanh Hóa) gửi 10 chỉ vàng (khoảng 40 triệu đồng) để cho ông mua diện tích khoảng 02ha đất tại thôn C nay là thôn MB, xã LN, huyện BL của ông Phạm Văn Bắc (thôn 9, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng). Đến năm 2008 bán diện tích đất này cho ông L2 (khi mua ông L2 ở khu C, phường LP, thành

phố BL, nay ông Li3 ở đâu thì không biết) được 280.000.000 đồng. Số tiền này đã trả nợ của vợ chồng trong thời gian sống chung và xây nhà (nay đã bán cho ông L2) với số tiền khoảng 140.000.000 đồng, trả nợ tiền mua đất (năm 2008 bằng giấy viết tay) có diện tích khoảng 20.000m² với số tiền 120.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hữu V (phường LP, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng) và mua phần đất liền kề của ông T1 diện tích khoảng 3.000m² (không viết giấy tờ) với số tiền 20.000.000 đồng (lúc đó ông Thiện ở thôn MB, xã LN, sau đó chuyển đến tỉnh ĐN nhưng không biết địa cụ thể, nay ông T1 đã chết). Từ năm 2008 đến nay toàn bộ diện thửa đất số 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL do ông D trực tiếp quản lý sử dụng, không liên quan gì đến bà T.

Nay bà T yêu cầu chia đôi tài sản với diện tích 5.274m² thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL thì ông không đồng ý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L buộc ông và bà T trả lại diện tích đất 6.800,9m² thuộc thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL thì ông đồng ý.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày: Đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL mà nay bà T yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn là tài sản riêng của ông D. Về nguồn gốc thửa đất này, năm 1995 bà gửi 10 chỉ vàng để cho ông D mua diện tích khoảng 02 ha đất tại thôn C nay là thôn MB, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng của ông Phạm Văn B nên bà thống nhất như nội dung trình bày của ông D nêu trên, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông D và bà T trả lại cho bà diện tích đất 6.800,9m² thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” giữa nguyên đơn bà Trịnh Thị T với bị đơn ông Nguyễn Văn D.

Chia cho bà T và ông D mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị đất và tài sản trên đất với diện tích 5.274m² thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn D được quyền quản lý sử dụng và đăng ký quyền sử dụng theo quy định của pháp luật đối diện tích đất 5.274m² thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL; buộc ông Nguyễn Văn D phải thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà Trịnh Thị T với số tiền là 492.228.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với diện tích 180m² thuộc một phần thửa 29; 6038,9m² thuộc thửa 33, tờ bản đồ 35, xã LN và 18.086,6m² chưa thể hiện trên bản đồ địa chính thuộc quy hoạch đất Lâm nghiệp.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L về việc yêu cầu bà T và ông D trả lại diện tích đất 6.800,9m² thuộc thửa đất 58, tờ bản đồ 35, xã LN, huyện BL.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông D phải thanh toán lại cho bà T số tiền 10.347.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 24/02/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L có đơn kháng cáo. Ông D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T và đề nghị công nhận diện tích đất 5.274m² tại thửa 58, tờ bản đồ số 35 xã LN, huyện BL là của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D và bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào giải quyết trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện BL giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L làm trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ông D và bà T trước đây là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến năm 2011 thì ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 41/2011/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Về tài sản chung bà T và ông D tự thỏa thuận

chia với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết (BL số 03). Năm 2015, cả hai về sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2020 thì không sống chung với nhau nữa và có tranh chấp về tài sản bà T khởi kiện yêu cầu “Chia tài sản chung sau ly hôn”.

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2020, bà T cho rằng tài sản chung của bà và ông D là 02 ha đất trên đất có trồng cà phê, chè, dâu nhưng mới được cấp sổ 6.800,9m² (sáu sào tám) và yêu cầu chia đôi số đất trên (BL số 02). Ngày 02/6/2022, bà T có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, xin chia đôi tài sản là diện tích đất 5.274m² thuộc thửa 58, tờ bản đồ 35, xã LN và yêu cầu được nhận bằng tiền (BL số 113).

Quá trình giải quyết vụ án, ông D trình bày khi ly hôn ông và bà T tự thỏa thuận chia tài sản. Cụ thể: Bà T được nhận 01 lô đất diện tích 300m², trên đất có nhà tại thôn MC, xã MS, huyện NL, tỉnh TH. Ông D được nhận căn nhà cấp 4 và đất tại thôn 13, xã LN, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Việc thỏa thuận không lập giấy tờ nhưng hai bên đã thống nhất xong, năm 2019 ông cũng đã bán nhà cho ông Nguyễn Văn L1, địa chỉ: Thôn MB, xã LN, huyện BL (BL số 45). Vợ chồng có vay Quỹ tín dụng số tiền 300.000.000 đồng, nợ tiền phân bón 150.000.000 đồng (BL số 22). Tuy nhiên, Tòa án không yêu cầu ông D thực hiện việc khởi kiện đối với các khoản nợ chung và không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng để làm rõ tài sản chung và nợ chung là chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông D trình bày, ngày 19/5/2021 ông phải chuyển nhượng thửa đất số 13, TĐĐ 65, diện tích 475,3m² đất trồng cây lâu năm là tài sản riêng của ông cho ông Lê Văn C để lấy tiền trả nợ chung của ông D, bà T số tiền 322.800.000 đồng (có hợp đồng chuyển nhượng đất); mua thức ăn thiếu quán Nguyễn Thị T2 từ ngày 09/3/2016 đến ngày 18/4/2017 số tiền 42.884.000 đồng; bà T đến đại lý cà phê TC chốt giá lấy tiền 2.250kg cà phê nhân tiêu xài. Ngày 28/8/2020, ông có đơn yêu cầu đòi trừ tiền từ việc bà T tự ý lấy của ông 01 tivi 32 inch, 01 tủ lạnh, 01 xe máy nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Bà T trình bày, bà và ông D còn có tài sản chung là cây cà phê và cây chè trồng trên hơn 01 ha đất lâm nghiệp nhưng quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm thì bà nghĩ đất lâm nghiệp không phân chia được và ông D cũng đã bán cho người khác nên bà thay đổi yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích đất này trong khi trên đất có cây trồng đang cho thu hoạch.

Từ những phân tích trên cho thấy, cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ, không xác định rõ các khoản nợ chung, không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện BL giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.

[3] Về án phí: Tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp, nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án. Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2023/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp, nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012677 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND H. Bảo Lâm (02);
- VKSND H. Bảo Lâm (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt